

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TTYT Tân Yên

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 282 /QĐ-TTYT ngày 18 tháng 9 năm 2025 của
Trung tâm Y tế Tân Yên)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm Y tế Tân Yên công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
A	B	C
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	46.991
I	Nguồn ngân sách trong nước	46.991
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	46.991
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.282
	- Kinh phí thường xuyên (điều trị bệnh viện)	
	- Kinh phí thường xuyên (phòng bệnh)	6.887

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
	- Kinh phí thường xuyên (TYT)	995
	- Kinh phí thực hiện chi cho con người (TYT)	25.081
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-KHHGĐ)- VC dân số xã	2.229
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-KHHGĐ)- VC dân số huyện	1.089
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.664
	- Sửa chữa nhà khám bệnh đa khoa hành chính	1.100
	- Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	2.500
	- Thuê phần mềm quản lý hồ sơ điện tử tại huyện và TYT	180
	-Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	200
	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025	4.700
	Quỹ tiền thưởng	1.984
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	45
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45
	- Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng	45
II	Nguồn vốn viện trợ	